CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Logistics VINALINK

Ngày 30/09/2024	16,150 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.9%	**2.1%**	**18.0%**

DT thuần
Q3/24
331
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 45.0| 15.6%
YoY: ▲ 155| 87.8%

LN thuần
Q3/24
16.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.80| -4.6%
YoY: ▲ 5.00| 43.2%

LN sau thuế
Q3/24
13.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.40| -2.8%
YoY: ▲ 2.80| 26.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
5.0%
YoY: +/-▼ 1.0%

ROE (TTM)
Q3/24
14.3%
YoY: +/-▲ 0.8%

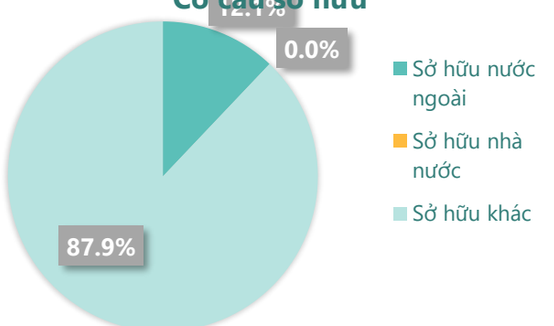
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	12,522 - 16,741
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	228
Số lượng CPLH (CP)	14,140,487
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,375
Sở hữu nước ngoài	12.1%
Beta	0.13
EPS	2,786
P/E	5.8

DT thuần
9T 2024
835
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 324| 63.4%

LN thuần
9T 2024
43.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.70| 18.6%

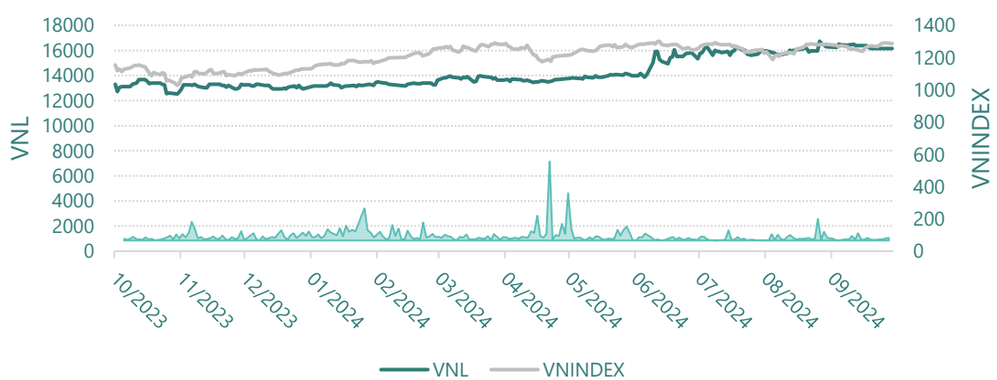
LN sau thuế
9T 2024
35.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.10| 6.3%

Cơ cấu sở hữu

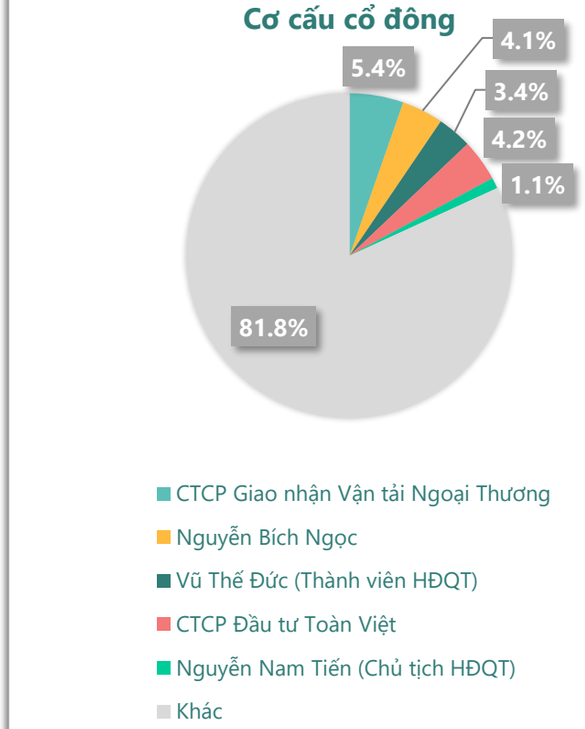


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



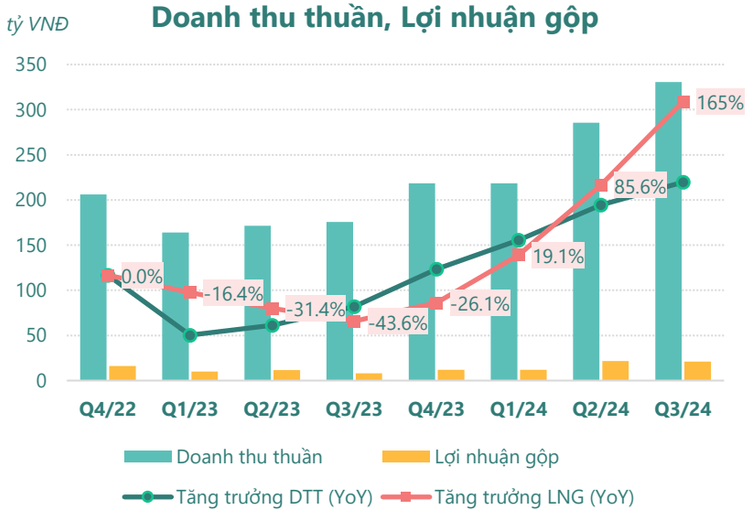
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

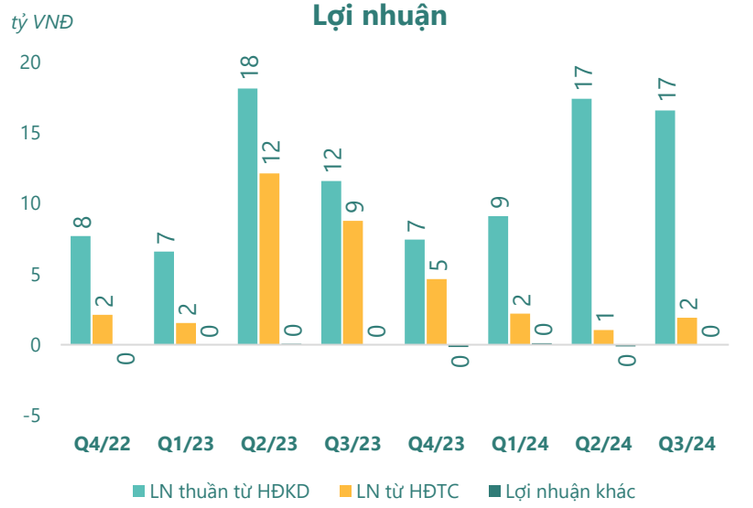
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



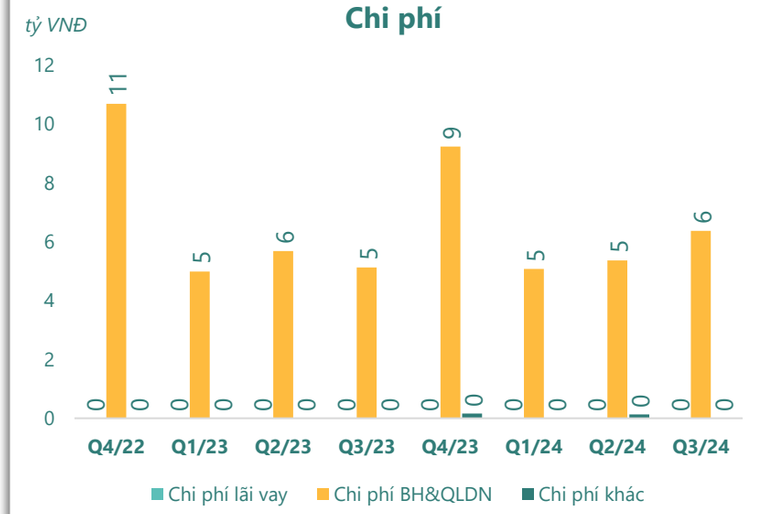
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



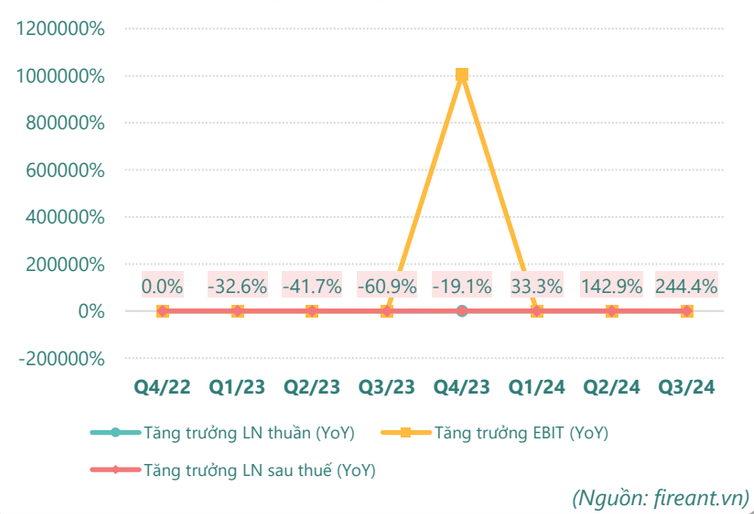
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



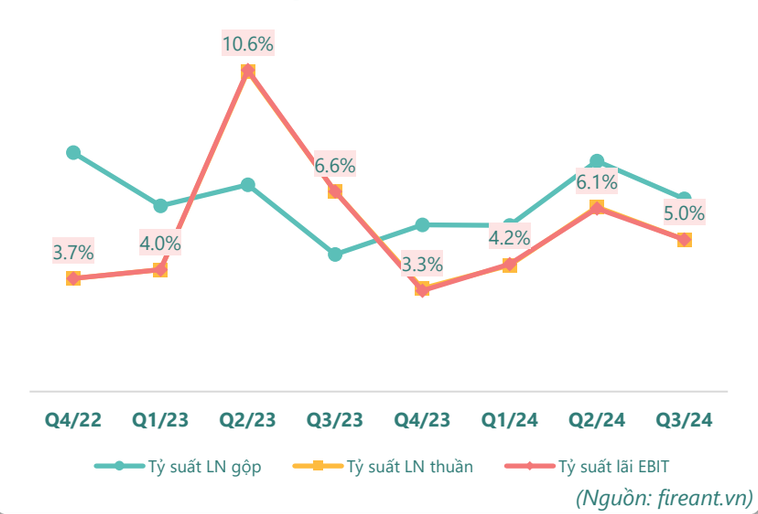
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



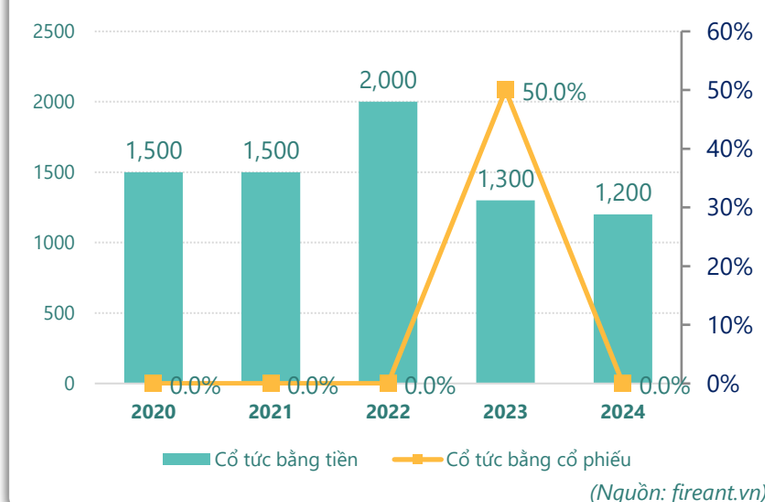
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

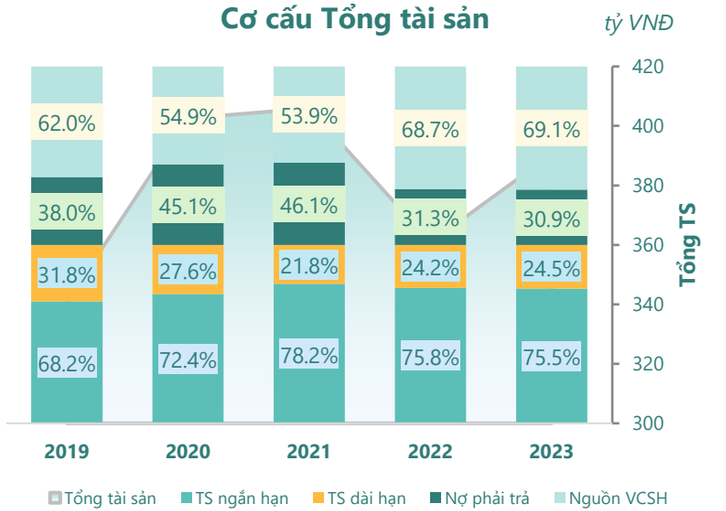
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

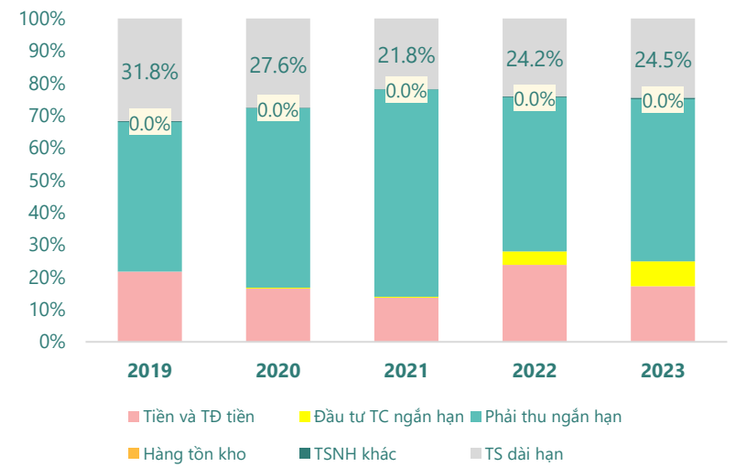
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



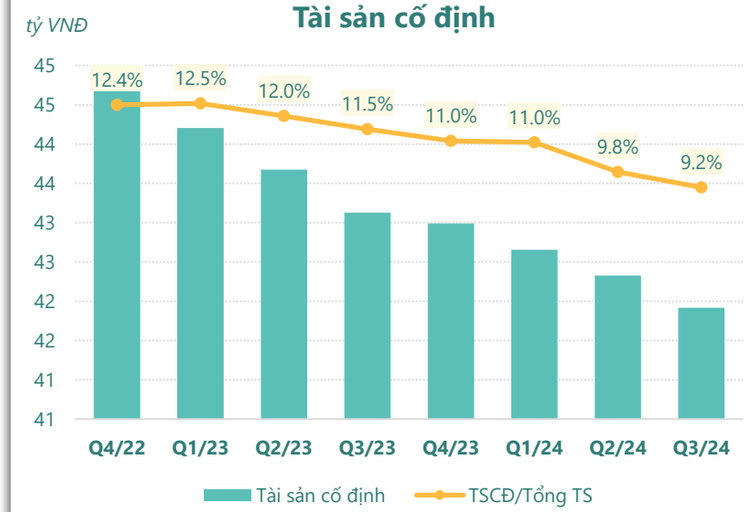
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



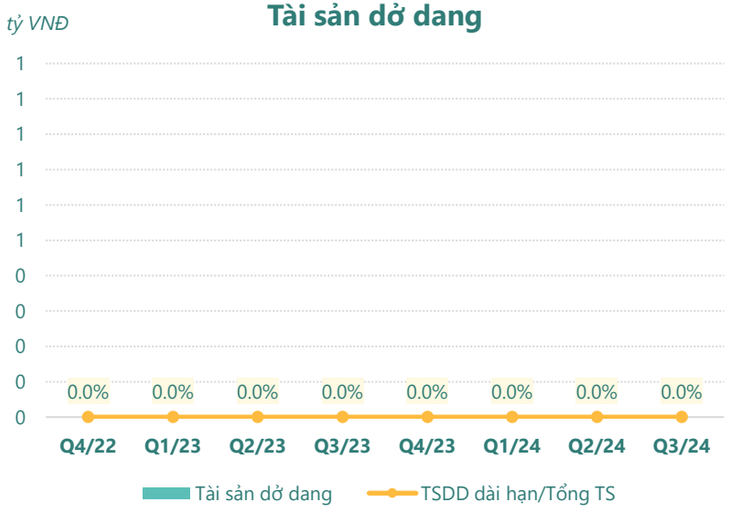
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



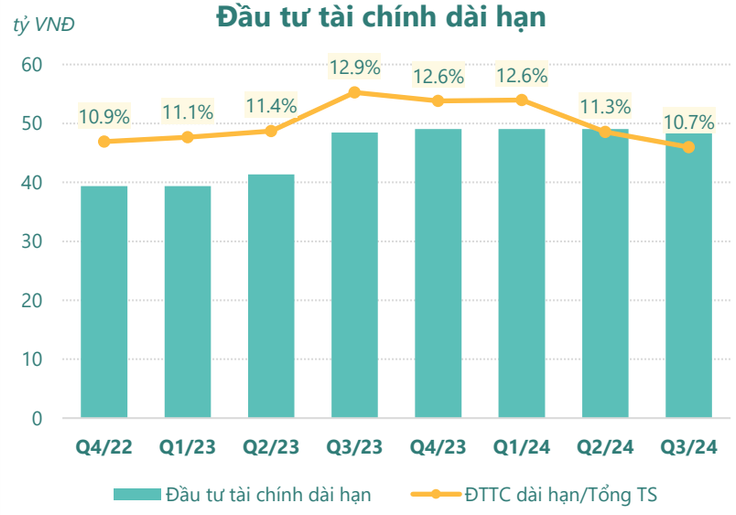
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



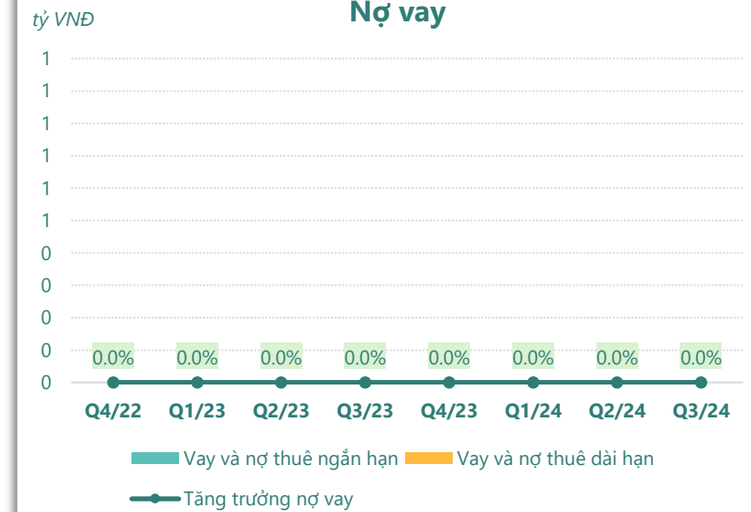
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

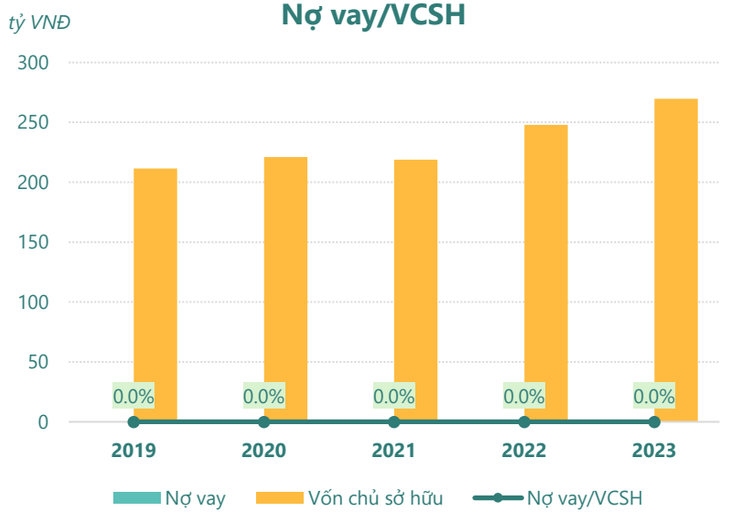
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

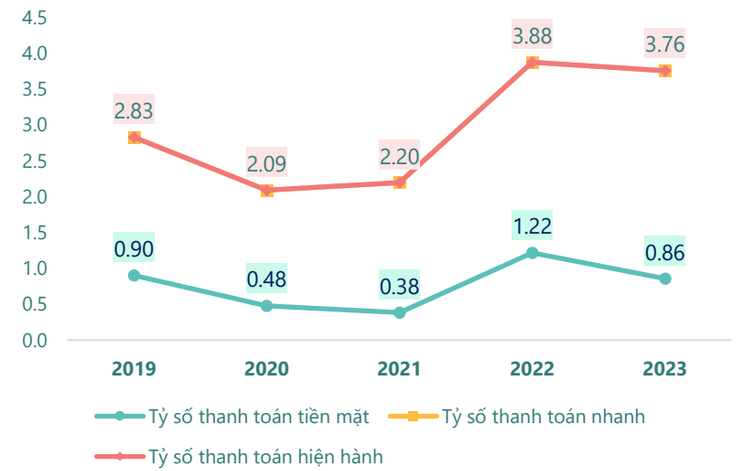
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



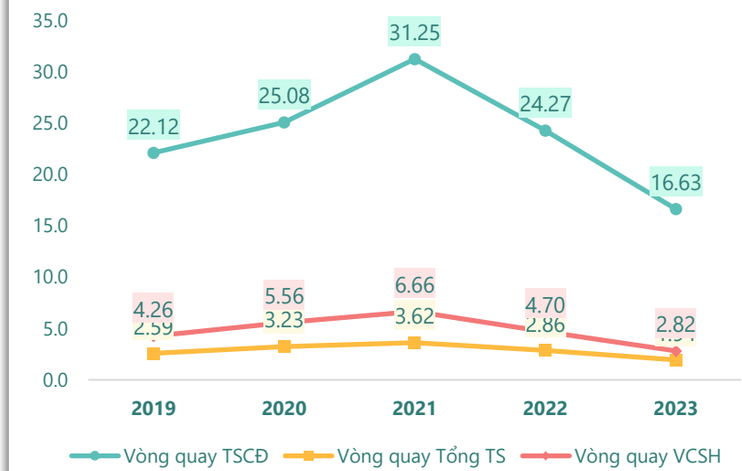
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



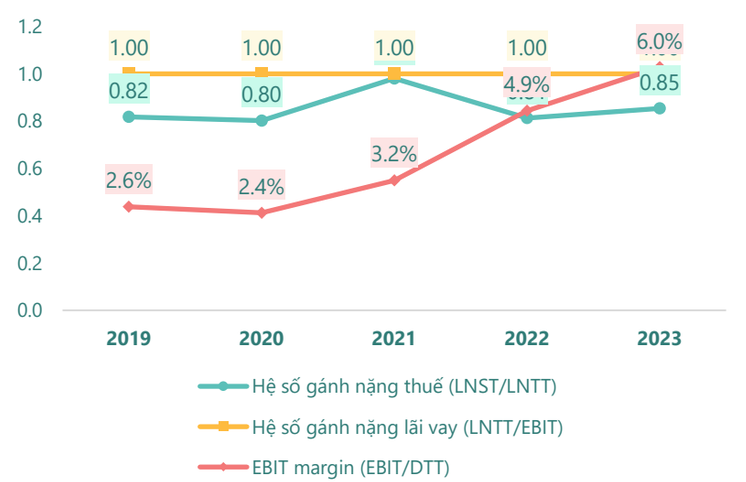
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



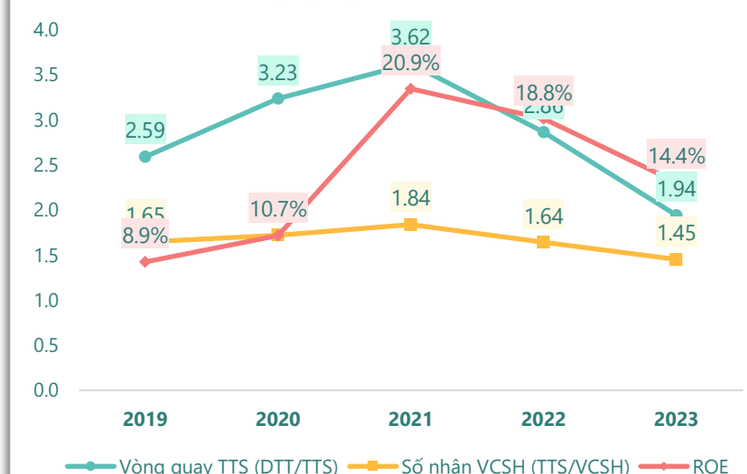
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



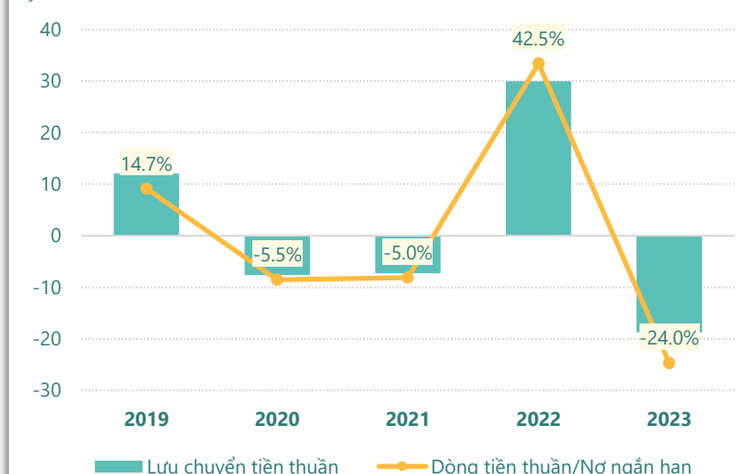
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**331**	**176**	**87.8%**	**835**	**511**	**63.4%**
Giá vốn hàng bán	309	168	84.2%	780	481	62.1%
Lợi nhuận gộp	21.1	7.96	165%	54.8	29.7	84.3%
Doanh thu HĐTC	3.04	10.7	-71.6%	10.7	26.2	-59.2%
Chi phí TC	1.13	1.89	-40.1%	5.52	3.73	48.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**6.37**	**5.13**	**24.3%**	**16.8**	**15.8**	**6.4%**
LN thuần từ HĐKD	16.6	11.6	43.2%	43.1	36.4	18.6%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**-0.03**	**0.06**	**-149%**
LN trước thuế	16.6	11.6	43.2%	43.1	36.4	18.3%
Lợi nhuận sau thuế	**13.5**	**10.7**	**26.2%**	**35.0**	**32.9**	**6.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**13.5**	**10.7**	**26.2%**	**35.0**	**32.9**	**6.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.1	-0.04	3.07	-23.8	8.55	6.60
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.6	15.3	5.36	6.30	5.13	10.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.54	0	-7.07	0	-9.90	0
Tiền đầu kỳ	76.9	65.7	80.9	67.2	49.8	53.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-11.1**	**15.2**	**1.36**	**-17.5**	**3.78**	**16.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.05	0.02	-0.11	0.14	-0.09	-0.17
Tiền cuối kỳ	65.7	80.9	82.2	49.8	53.5	70.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**457**	**390**	**17.0%**
Tài sản ngắn hạn	363	295	23.1%
Tiền và tương đương tiền	70.1	67.2	4.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	30.0	-66.7%
Phải thu ngắn hạn	278	196	42.1%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	4.44	1.85	139%
Tài sản dài hạn	**94.3**	**95.7**	**-1.5%**
Phải thu dài hạn	2.39	2.11	13.5%
Tài sản cố định	41.9	43.0	-2.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	49.0	49.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.91**	**1.61**	**-43.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	170	121	40.7%
Nợ ngắn hạn	**128**	**78.4**	**62.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	73.9	45.6	62.0%
Nợ dài hạn	42.4	42.4	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**287**	**270**	**6.4%**
Vốn chủ sở hữu	**287**	**270**	**6.4%**
Vốn điều lệ	141	141	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)